

Ngành: KINH TẾ

Khóa 50

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		NS	1							2							3														
					Khoa học môi trường	Tin học đại cương	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1		Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Kinh tế vi mô 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Pháp luật đại cương	Tâm lý học đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế vĩ mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Ngoại ngữ chuyên ngành	Kinh tế phát triển	Kinh tế môi trường	Nguyên lý thống kê kinh tế	Quản trị học	Địa lý du lịch	Quản trị nhân lực	Tổng quan du lịch	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Marketing dịch vụ	Quản lý điểm đến	Quy hoạch du lịch
					2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	2	3	3	75	
1	16D4031001	Ngô Thị Nhật	Anh	24/9/94	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	16D4031003	Huỳnh Bảo	Châu	17/7/98	8.4	6.3	7.0	7.8	7.0	6.1	4.8	4.7	7.9	5.7	5.2	7.5	5.6	6.0	7.7	6.5	4.6	7.5	5.4	6.2	4.2	8.1	5.0	7.2	8.3	9.1	8.3	5.0	6.5
3	16D4031004	Lê Trần Xuân	Chương	25/4/98	4.4	6.8	5.6	5.8	3.0	5.8	8.4	5.3	7.3	5.1	4.8	3.6	2.4	6.6	6.9	6.0	3.3	7.1	3.8	6.3	4.7	7.2	5.7	6.1	7.5	9.1	8.6	6.4	5.8
4	16D4031005	Đặng Mỹ	Duyên	1/1/98	6.5	6.7	7.3	7.6	7.6	6.0	7.2	5.9	7.4	7.6	5.8	6.3	6.7	6.1	7.9	8.0	6.6	7.2	8.5	6.6	7.7	8.2	7.1	8.4	8.3	8.2	9.5	6.9	7.3
5	16D4031006	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	2/8/98	7.2	6.9	7.2	4.9	6.1	6.0	8.2	7.9	7.8	8.2	6.4	8.7	4.4	4.5	7.2	6.2	6.9	8.0	8.6	6.8	9.1	8.9	7.1	8.8	8.3	9.1	9.0	8.1	7.4
6	16D4031007	Lê Thị Diệu	Hà	20/1/98	6.5	7.5	7.2	7.0	6.3	6.0	8.0	5.9	8.2	6.3	5.2	8.8	7.4	5.9	7.3	7.4	5.7	8.2	9.3	8.0	7.7	8.7	8.5	7.8	8.7	8.8	9.2	7.8	7.5
7	16D4031008	Nguyễn Văn	Hải	8/12/98	5.4	7.8	4.8	6.6	6.3	5.9	6.9	4.6	7.4	4.6	4.5	7.5	6.8	6.6	3.7	5.7	0.9	2.5	2.4	2.3	2.5	2.4	1.2	7.4	8.1	10.0	8.7	7.0	5.3
8	16D4031009	Đình Xuân	Hạ	12/4/98	6.5	7.1	7.8	5.2	4.2	6.5	7.5	5.6	7.9	7.6	5.5	6.1	3.6	7.2	6.8	7.9	5.3	6.8	7.2	5.9	8.0	8.2	6.4	7.7	8.4	8.7	8.6	6.0	6.8
9	16D4031010	Đình Đặng Minh	Hăng	18/11/98	7.9	7.1	8.8	5.9	7.0	6.7	8.0	4.3	8.0	7.5	6.2	4.0	1.0	2.3	2.1	1.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.9	
10	16D4031011	Võ Thị Thu	Hăng	17/8/98	6.8	6.7	8.6	7.3	4.8	2.9	3.5	2.4	2.7	3.4	2.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6	
11	16D4031012	Văn Ny	Hồng	1/1/97	7.9	6.6	8.5	6.3	6.7	5.5	6.5	5.4	7.9	5.5	4.5	5.7	1.9	6.0	6.9	4.6	8.2	8.2	4.7	5.2	7.0	7.4	5.0	7.4	8.2	8.8	9.3	6.3	6.4
12	16D4031013	Hồ Đăng Nhật	Huy	7/4/97	6.7	6.4	5.8	2.7	7.0	6.2	6.2	5.9	8.0	6.2	6.6	6.6	0.4	7.4	5.6	4.5	4.0	8.4	2.5	5.0	4.2	5.4	5.0	5.9	8.3	8.7	9.1	7.3	5.9
13	16D4031014	Chế Thị Ngọc	Huyền	16/9/98	8.1	6.8	9.0	8.8	6.0	7.0	8.9	7.5	8.1	6.7	5.2	8.8	5.3	7.9	7.0	7.7	5.3	7.8	8.0	6.7	7.7	8.7	6.7	8.9	8.4	8.8	8.9	6.0	7.5
14	16D4031015	Văn Thị Ngọc	Huyền	8/4/97	4.9	6.3	6.4	4.5	6.1	7.6	5.7	4.9	8.2	5.5	6.9	4.7	2.2	5.9	8.0	5.5	2.3	7.6	5.0	6.4	6.3	7.5	4.1	7.1	8.9	7.7	8.5	6.6	6.1
15	16D4031017	Trần Như	Lài	11/1/98	4.6	6.2	6.5	4.3	6.1	6.3	6.3	6.6	8.8	5.4	5.0	6.9	0.7	7.0	7.7	6.4	2.4	7.2	4.7	5.8	6.3	6.8	3.7	6.0	8.0	7.7	8.4	6.1	5.9
16	16D4031018	Hoàng Thị Diệu	Linh	28/10/98	6.0	6.6	7.5	8.3	7.2	7.7	7.6	7.2	8.1	6.7	4.6	8.5	5.6	6.8	6.3	7.6	7.3	7.6	7.4	6.0	6.3	8.2	5.1	6.3	8.3	8.2	8.5	6.0	7.0
17	16D4031021	Nguyễn Thị Khánh	Linh	3/10/98	7.4	5.9	4.0	6.4	4.7	5.4	3.4	5.0	5.3	5.5	4.2	6.9	0.7	5.9	5.6	4.6	2.8	5.8	3.3	5.8	4.1	8.1	3.0	2.6	0.7	9.1	7.9	2.1	4.7
18	16D4031022	Phan Thị Mỹ	Linh	4/1/98	7.0	8.6	8.8	7.2	4.8	8.0	8.2	6.3	8.2	7.8	4.2	9.4	6.8	6.4	9.1	8.0	7.0	9.0	6.4	6.6	8.7	8.4	6.2	9.2	8.4	8.8	9.2	7.6	7.7
19	16D4031023	Lê Hoàng Mỹ	Loan	11/5/97	4.9	6.4	5.8	7.5	7.3	6.3	8.4	4.6	7.4	6.2	5.7	4.5	6.8	4.8	7.9	6.0	2.6	7.1	5.2	6.3	6.2	6.6	3.0	6.8	8.3	7.7	9.3	6.8	6.3
20	16D4031024	Bạch Thị	Lý	5/1/98	8.1	6.9	8.3	3.9	2.5	6.0	6.9	5.8	7.4	7.9	3.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.1	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		NS	Chương trình đào tạo																																																																																																																			
					Khoa học môi trường				Tin học đại cương				Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1				Toán cao cấp 1				Toán cao cấp 2				Kinh tế vi mô 1				Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2				Pháp luật đại cương				Tâm lý học đại cương				Tư tưởng Hồ Chí Minh				Lý thuyết xác suất và thống kê toán				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam				Kinh tế vĩ mô 1				Marketing căn bản				Nguyên lý kế toán				Kinh tế lượng				Ngoại ngữ chuyên ngành				Kinh tế phát triển				Kinh tế môi trường				Nguyên lý thống kê kinh tế				Quản trị học				Địa lý du lịch				Quản trị nhân lực				Tổng quan du lịch				Cơ sở văn hóa Việt Nam				Marketing dịch vụ				Quản lý điểm đến				Quy hoạch du lịch				Tổng điểm			
49	16D4031054	Tôn Nữ Kiều	Vân	6/8/98	7.3	7.1	7.8	7.1	4.6	6.6	7.7	5.1	8.8	6.1	6.0	6.7	8.4	8.3	6.0	7.8	5.0	7.5	6.4	5.6	8.4	8.6	6.9	8.4	8.7	8.8	9.5	7.1	7.2																																																																																							
50	16D4031055	Trần Văn Anh	Vũ	13/12/98	6.6	6.2	8.0	7.3	4.2	6.5	6.4	4.8	5.8	6.1	5.9	5.0	5.6	7.3	5.3	5.7	2.8	7.3	3.5	5.5	7.0	7.2	5.0	7.7	7.0	10.0	8.3	6.1	6.2																																																																																							
51	16D4031056	Phạm Thúy	Vy	1/4/98	6.6	6.7	9.1	4.1	5.5	5.5	7.4	4.8	8.3	8.3	4.2	7.0	5.0	5.9	7.3	5.0	4.6	7.2	8.6	6.3	8.4	8.6	7.9	9.5	8.3	8.7	9.6	7.1	7.0																																																																																							
52	16D4031057	Võ Ngọc Tường	Vy	20/4/98	6.6	7.4	8.8	7.3	7.3	8.5	8.7	6.5	8.2	7.6	7.3	8.8	5.1	6.0	6.6	8.7	6.5	8.6	10.0	9.6	8.7	8.9	7.8	9.2	8.7	8.8	9.2	7.3	8.0																																																																																							